

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG

Bản án số: 11/2025/HC-ST

Ngày: 03 - 6 - 2025

V/v Khiếu kiện quyết định
hành chính, hành vi hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Nữ Phà Ca

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Lành.
- Ông Nguyễn Hữu Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Ngọc Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham dự phiên tòa:
Bà Trần Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2024/TLST - HC ngày 31 tháng 10
năm 2024 về “Khiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành chính trong lĩnh
vực quản lý đất đai” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số:
10/2025/QĐXXST - HC ngày 15 tháng 5 năm 2025, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1950; Địa chỉ: Số A N,
phường B, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ liên hệ: F19, đường số C,
phường T, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân tỉnh V; Địa chỉ: Số H V, phường I, thành phố V, tỉnh
Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp: Ông Lữ Quang N – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh V.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh V: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh V). Công văn số 7845/UBND-TCDNC ngày 25/11/2024.

2. Ủy ban nhân dân thành phố V; Địa chỉ: Số H H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn L – Chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Minh Q – Chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. (Quyết định số 4965/QĐ-UBND ngày 07/11/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V:

- Ông Phạm Văn P – Chức vụ: Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V.

- Ông Lê Hồng T1 – Chức vụ: Giám đốc Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V.

(Công văn số 5657/UBND-NC ngày 07/11/2024).

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V – Ông Đặng Văn L; Địa chỉ: Số H H, phường A, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V: Ông Đặng Minh Q – Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V. (Quyết định số 1403/QĐ-UBND ngày 17/4/2025).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long; Địa chỉ: Số A L, Phường A, Thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh S – Giám đốc Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lê Thanh S: Ông Trần Quốc D – Phó Giám đốc Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long. (Giấy uỷ quyền số 309/GUQ.BQLCDA ngày 29/5/2025).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long: Ông Nguyễn Minh K – Phó trưởng phòng Quản lý dự án Giao thông. (Công văn số 218/BQLCDA ngày 30/5/2025).

(Hợp nhất từ Ban Q1 xây dựng các công trình giao thông – Sở Xây dựng tỉnh V; Ban Quản lý dự án ODA tỉnh V theo Quyết định số 303/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND tỉnh V).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 27/9/2024, các Đơn khởi sửa đổi, bổ sung đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện ông Phạm Văn C trình bày:

Ông Phạm Văn C là chủ sử dụng thửa đất 16, tờ bản đồ số 10, diện tích 4.560,3m², loại đất trồng cây lâu năm, đất tọa lạc tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 29/9/2023, Ủy ban nhân dân (sau đây gọi tắt UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 4184 về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Bến xe V giai đoạn 01, theo đó quyết định thu hồi thửa đất 16, tờ bản đồ số 10, diện tích 1.487,3m² đất loại trồng cây lâu năm (CLN); Lý do thu hồi đất: Để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 01).

Cùng ngày 29/9/2023, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 4168 “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1), tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long”. Đính kèm Bảng tổng hợp giá trị bồi thường về đất ghi nhận nội dung tại STT 11, diện tích 319,4 m², VT1 (tiếp giáp mặt đường), đất loại trồng cây lâu năm (CLN) của ông Phạm Văn C1 thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10 được bồi thường với giá là 3.710.100 đồng/m², tổng giá trị bồi thường về đất là 5.518.031.730 đồng.

Ngày 24/01/2024, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 328 “về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long”, theo đó thửa đất 16, tờ bản đồ số 10 tiếp tục bị thu hồi diện tích 498,5m² đất loại trồng

cây lâu năm (CLN). Lý do thu hồi đất: Để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Dự án này ông Phạm Văn C được bồi thường giá trị đất là 1.858.756.950 đồng.

Trong quá trình quản lý sử dụng đất tại thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, đất đai tại đây bị sụt lún nghiêm trọng, do đó ông C đã rất nhiều lần san lấp, bồi đắp, nâng cấp thửa đất để khắc phục tình trạng trên. Việc san lấp được ông C thực hiện trực tiếp bởi cơ sở kinh doanh của ông C vì gia đình ông hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực xây dựng, việc san lấp, bồi đắp được diễn ra nhiều lần nên ông không còn lưu trữ văn bản, hoá đơn thể hiện cụ thể cho chi phí san lấp. Tuy nhiên so sánh với các thửa đất lân cận, có thể thấy thửa đất của ông C có hiện trạng cao vượt trội hơn mặt bằng chung, ước tính độ cao thửa đất thuộc quyền sử dụng của ông vượt 1,5m so với mặt bằng chung đất thu hồi.

Tổng chi phí san lấp đối với phần đất bị thu hồi để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 01) được tính như sau: Diện tích $1.487,3\text{m}^2$; Tỷ lệ 1m^2 (diện tích) = $1,5\text{m}^3$ (khối lượng đất được san lấp); Đơn giá: 280.000 đồng/ m^3 . Thành tiền: 624.666.000 đồng. Tổng chi phí san lấp đối với phần đất bị thu hồi để hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long được tính như sau: Diện tích $498,5\text{m}^2$; Tỷ lệ 1m^2 (diện tích) = $1,5\text{m}^3$ (khối lượng đất được san lấp); Đơn giá: 280.000 đồng/ m^3 . Thành tiền: 209.370.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 quy định bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế, xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng. Tuy nhiên, Ban bồi thường dự án Bến xe V (giai đoạn 1) và Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long của UBND Thành phố V đã không xem xét đến chi phí mà ông Phạm Văn C đã đầu tư trên đất cụ thể là chi phí san lấp mặt bằng đối với toàn bộ diện tích đất thu hồi để đưa ra phương án bồi thường thoả đáng cho ông là ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của ông.

Ngoài ra, trên phần đất thu hồi diện tích 1.487,3m² của ông C có chứa hơn 200m³ cát xây dựng với đơn giá 300.000 đồng/m³. Thành tiền: 60.000.000 đồng. Tại Công văn số 264/BQLDAGT ngày 01/8/2024 của Ban Quản lý dự án ĐTXD các công trình giao thông về việc trả lời đơn khiếu nại (lần 2) của ông Phạm Văn C xác định trên phần đất thửa 16 bị thu hồi có khối lượng cát xây tô là tài sản của ông C nhưng khi thu hồi đất UBND Thành phố V đã không xem xét bồi thường giá trị cho ông.

Về quy trình ban hành Quyết định bồi thường và thu hồi đất có nhiều sai phạm, quy trình thực hiện lập, thẩm định phương án bồi thường không đúng trình tự pháp luật, cụ thể như sau:

UBND Thành phố V khi lập và thẩm định phương án bồi thường đã không tổ chức đối thoại, không tổ chức họp trực tiếp để lấy ý kiến người dân trong khu vực có đất thu hồi, lập biên bản có xác nhận của người dân và các cơ quan có thẩm quyền, đồng thời không niêm yết công khai phương án theo đúng quy định, dẫn đến việc ông C không được tiếp cận, đưa ra ý kiến trong quá trình lập phương án bồi thường gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông. Từ đó khẳng định, phương án bồi thường được thực hiện không đúng quy định, mang tính chất áp đặt, trái với quy định tại Khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai 2013. Đồng thời, ông Phạm Văn C đang khởi kiện và được Toà án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết nhưng Chủ tịch UBND Thành phố V lại ban hành Quyết định 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 đối với diện tích 498,5m², đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10 tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND Thành phố V về việc thu hồi đất để thực hiện dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V (Theo Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013) là xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của ông C. Do đó, ông Phạm Văn C không đồng ý với Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Từ những căn cứ trên, ông Phạm Văn C khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết:

1. Huỷ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 do UBND Thành phố V ban hành “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1), tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long”.

2. Huỷ Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 do UBND Thành phố V ban hành “về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 1)”.

3. Buộc UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

4. Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

5. Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với 1.487,3m², đất loại cây công nghiệp lâu năm (CLN), thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với tổng số tiền là 624.666.000 đồng (Sáu trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

6. Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với phần cát xây dựng, khối lượng hơn 200m³ nằm trên phần đất 1.487,3m², thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

7. Huỷ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 do UBND phố V ban hành “về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Điều 62 Luật Đất đai năm 2013)”.

8. Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với tổng số tiền là 209.370.000 đồng.

9. Huỷ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người bị kiện UBND tỉnh V có người đại diện theo pháp luật là ông Lữ Quang N trình bày:

UBND tỉnh V giữ nguyên ý kiến theo Công văn số 3221/UBND-TCDNC ngày 29/4/2025 đã cung cấp cho Tòa án như sau:

Đối với yêu cầu buộc UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long:

Theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013: “UBND cấp có thẩm quyền quy định tại Điều 66 của Luật này quyết định thu hồi đất, quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trong cùng một ngày”; điểm a khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định UBND cấp huyện quyết định thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân: “Thu hồi đất đối với hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư”; khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, cụ thể quy định về Điều kiện xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại thì trường hợp ông C đã được bồi thường về đất nên không thuộc trường hợp bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.

Theo Điều 3 của Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh V) cũng quy định trường hợp ông C không thuộc đối tượng bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.

Về thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư, trong đó có chi phí đầu tư vào đất còn lại thuộc thẩm quyền ban hành của UBND Thành phố V. Do đó, việc ông Phạm Văn C yêu cầu Tòa án giải quyết nội dung buộc UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là không thuộc thẩm quyền của UBND tỉnh V mà thuộc thẩm quyền có ý kiến của UBND thành phố V.

Các yêu cầu khởi kiện còn lại của ông Phạm Văn C thuộc thẩm quyền giải quyết của Chủ tịch UBND Thành phố V. Do đó, UBND tỉnh V không có ý kiến, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Chủ tịch UBND Thành phố V và UBND Thành phố V có người đại diện theo uỷ quyền ông Đặng Minh Q trình bày:

Chủ tịch UBND Thành phố V và UBND Thành phố V vẫn giữ nguyên ý kiến theo Công văn số 451/UBND-NC ngày 03/02/2025 và Công văn số 1059/UBND-NC ngày 05/3/2025 đã cung cấp cho Tòa án như sau:

Ngày 29/10/2021, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2918/QĐ-UBND, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bến xe V (giai đoạn 1), địa điểm tại Phường H, thành phố V.

Ngày 07/3/2023, UBND Thành phố V ban hành Thông báo số 119/TB-UBND, thông báo cho ông Phạm Văn C thường trú số 104, đường N, Phường B, thành phố V, UBND thành phố V dự kiến thu hồi 1.487,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc Phường 8, thành phố V của ông Phạm Văn C để xây dựng công trình Bến xe V (giai đoạn 1).

Ngày 15/4/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V kết hợp với các ngành tiến hành kiểm đếm tài sản của ông Phạm Văn C, kết quả kiểm đếm phần đất thửa số 16 của ông Phạm Văn C bị thu hồi 1.487,3m² đất trồng cây lâu năm.

Ngày 06/7/2023, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1581/QĐ-UBND, phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể áp dụng bồi thường công trình: Bến xe V (giai đoạn 1) tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, trong đó có đất trồng cây lâu năm (không tiếp giáp mặt đường) có giá là 3.710.100 đồng/m².

Ngày 29/09/2023, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 4168/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1) trong đó có ông Phạm Văn C được bồi thường đất với số tiền là 5.518.031.730 đồng.

Cùng ngày 29/9/2023, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 4184/QĐ-UBND, thu hồi diện tích 1.487,3m², loại đất trồng cây lâu năm (CLN) của ông Phạm Văn C thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10 tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 1).

Như vậy, căn cứ vào các nội dung và quy định nêu trên thì phần đất của ông Phạm Văn C bị thu hồi 1.487,3m² đất trồng cây lâu năm và giá đất trồng cây lâu năm (không tiếp giáp mặt đường) có giá là 3.710.100 đồng/m² nên việc

Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố V áp giá bồi thường cho ông Phạm Văn C với giá 3.710.100 đồng/m² là đúng quy định. Do đó, việc UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023, về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V trong đó có bồi thường đất cho ông Phạm Văn C là đúng quy định của pháp luật và việc UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 thu hồi 1487,3m² đất của ông Phạm Văn C là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C đối với Quyết định số 4168/QĐ-UBND và Quyết định số 4184/QĐ-UBND, ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V.

Căn cứ Khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 quy định bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an ninh; phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng, quy định thì các phần đất của ông C bị thu hồi đã được bồi thường về đất nên không được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất.

Phần đất thửa 16, tờ bản đồ số 10 của ông C là loại đất trồng cây lâu năm trong hạn mức của cá nhân sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất nên ông Phạm Văn C đã được bồi thường về đất theo quy định Điểm a Khoản 1 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, ông Phạm Văn C không thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo Đ b Khoản 1 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013.

Đối với yêu cầu: Hủy Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 do UBND Thành phố V ban hành “về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Điều 62 Luật Đất đai năm 2013)”:

Ngày 09/11/2022, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2304/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 11/9/2023, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2070/QĐ-UBND, về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09/10/2023, UBND Thành phố V ban hành Thông báo số 1561/TB-UBND, thu hồi đất để thực hiện công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu

tái định cư thuộc Phường H, thành phố V – giai đoạn 1, dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H thành phố V, diện tích dự kiến thu hồi 498,5m², loại đất đang sử dụng trồng cây lâu năm của ông Phạm Văn C.

Ngày 24/10/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V phối hợp với UBND Phường 8 thành phố V và ông Phạm Văn C có biên bản kiểm kê, kiểm đếm tài sản, trong đó có thửa đất số 16 tờ bản đồ số 10 diện tích ảnh hưởng thu hồi 498,5m². Qua kết quả đối chiếu bảng tự khai và kết quả kiểm đếm, ông Phạm Văn C đồng ý và ký tên biên bản.

Ngày 24/01/2024, UBND Thành phố V ban hành các quyết định thu hồi đất, trong đó có Quyết định số 328/QĐ-UBND thu hồi 498,5m² đất, loại đất trồng cây lâu năm của ông Phạm Văn C, thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H thành phố V để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng ngày 24/01/2024, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 322/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, trong đó có phần diện tích 498,5m² thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 10 của ông Phạm Văn C được bồi thường giá trị 1.858.756.950 đồng.

Ngày 02/02/2024, U thành phố V có biên bản công bố và trao quyết định thu hồi đất cho ông Phạm Văn C, trong đó có Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024.

Từ những nội dung trên, xét thấy UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024, thu hồi 498,5m² đất trồng cây lâu năm của ông Phạm Văn C, thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H thành phố V để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là đúng

quy định của pháp luật. UBND Thành phố không thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất đã ban hành hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo quy định nên không thống nhất đối với yêu cầu khởi kiện của ông C.

Tại Công văn số 36/BQLCDA, Công văn số 41/BQLCDA ngày 01/4/2025, Công văn số 133/BQLCDA ngày 21/4/2025 và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long có người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh S trình bày:

Về công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1) trước đây Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng các công trình giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh V (Chủ đầu tư) đã ký hợp đồng số 226/HĐ-BQLDAGT ngày 06 tháng 9 năm 2023 và phụ lục hợp đồng số 246/PLHĐ-BQLDAGT ngày 03 tháng 10 năm 2023 với Trung tâm phát triển Quỹ đất thành phố V để thực hiện công tác này. Hiện nay, công trình đã được Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V đã bàn giao toàn bộ mặt bằng công trình cho Chủ đầu tư để thi công công trình. Do đó các yêu cầu khiếu kiện của ông Phạm Văn C, Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long không có ý kiến vì không thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao. Về phần đất 1.487,3m² bị thu hồi theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND thành phố V thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10 tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long mà ông Phạm Văn C cho rằng đã đầu tư san lấp mặt bằng nên có hiện trạng cao vượt trội hơn 1,5m so với mặt bằng chung đất thu hồi có được tính vào khối lượng quyết toán đối với công trình: Bến xe V (giai đoạn 1), qua rà soát bình đồ hiện trạng của hồ sơ thiết kế được duyệt nhận thấy phạm vi thửa đất của ông C có cao độ hiện trạng cao hơn cao độ hiện trạng của các thửa đất xung quanh. Tuy nhiên, theo hồ sơ thiết kế tính toán khối lượng san lấp mặt bằng công trình Bến xe V (giai đoạn 1) thì tính từ cao độ hiện trạng của thửa đất của ông C trở lên. Do đó không có tính khối lượng phần cao độ vượt trội của phần đất ông C vào dự toán công trình. Nên không thanh quyết toán khối lượng mà ông C nêu trên. Về cao độ tự nhiên (hiện trạng), được Tư vấn giám sát và đơn vị thi công đo đạc thực tế và so sánh với hồ sơ thiết kế lập thành Biên bản kiểm tra cao độ tự nhiên ngày 12/7/2024. Kết quả kiểm tra cao độ hiện trạng phù hợp với hồ sơ thiết kế.

Về khối lượng cát vàng (xây, tô), phần cát này đã tồn tại trên phần đất ông C một đóng cát được tư vấn giám sát và đơn vị thi công đo đạc có đường kính 15m, chiều cao tại đỉnh đóng cát so với cao độ hiện trạng thiết kế là 1,5m, qua tính toán khối lượng được 98m³ và đã lập biên bản ngày 12/7/2024 cùng với biên bản kiểm tra cao độ tự nhiên.

Về khối lượng san lấp mặt bằng tại khu đất ông C, phần khối lượng này theo hồ sơ thiết kế tính từ cao độ tự nhiên (hiện trạng) của thửa đất đến cao độ san lấp hoàn thiện. Về cao độ hiện trạng tại phần đất ông C qua kiểm tra (biên bản ngày 12/7/2024) thì phù hợp với bình đồ hiện trạng của hồ sơ thiết kế. Cho nên khối lượng san lấp mặt bằng công trình Bến xe V (giai đoạn 1) không có khối lượng san lấp như ông C nêu, bình đồ hiện trạng và bình đồ thiết kế có đánh dấu phạm vi thửa đất ông Phạm Văn C.

Về trả lời khiếu nại, ngày 01/8/2024 Chủ đầu tư có văn bản số 264/BQLDAGT có nội dung “Riêng đối với các vị trí cát vàng (xây, tô) còn lại nếu kiểm tra xác nhận cao hơn cao độ tự nhiên thiết kế, thống nhất cho ông C thu hồi. Về chiều sâu đào thu hồi Chủ đầu tư sẽ phối hợp với ông C xác định ngoài thực tế và thống nhất trước khi thu hồi”. Vấn đề này Chủ đầu tư phối hợp Tư vấn giám sát và đơn vị thi công tiến hành đo đạc kiểm tra thực tế ngày 06/8/2024. Kết quả ngày 13/7/2024 ông C đã đào thu hồi gần hết đóng cát, đồng thời có chỗ đào sâu hơn chiều dày đóng cát 0,5m với diện tích 72m² (6x12m). Qua tính toán thì phần cát vàng (xây, tô) còn lại cơ bản đủ để bù chỗ đào sâu hơn, cho nên không thống nhất cho ông C tiếp tục đào thu hồi.

Thực hiện Quy định tại Điều 2 về bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long (Ban hành kèm theo Quyết định số 18/2014/QĐ-UBND, ngày 30/9/2014 của UBND tỉnh V), Ban Quản lý dự án ODA tỉnh V đã ký kết với Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố Hợp đồng số 01/HĐ-TTPTQĐ ngày 09/10/2023 về tổ chức thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Dự án). Hiện nay mặt bằng thi công hạng mục Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P thuộc Hợp phần 3 của Dự án đã được Trung tâm P phối hợp với chính quyền địa phương bàn giao (bao gồm 5 đợt). Do đó yêu cầu khiếu kiện của ông Phạm Văn C, Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long không có ý kiến vì không thuộc chức năng, nhiệm vụ được giao.

Phần đất 498,5m² bị thu hồi theo Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND Thành phố V thuộc phạm vi xây dựng mới đường vào khu tái định cư phường 8 có chiều rộng nền đường là 18m = 4m (vía hè) + 10m (mặt đường) + 4m (vía hè). Xây dựng mới là đào mặt bằng hiện trạng đến cao độ thiết kế và thực hiện thi công đảm bảo chiều dày kết cấu áo đường theo hồ sơ thiết kế được cấp thẩm quyền phê duyệt. Như vậy khối lượng san lấp như ông Phạm Văn C trình bày sẽ không được tính vào khối lượng quyết toán đối với dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V,

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người khởi kiện ông C vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về việc yêu cầu hủy các Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023; Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 và buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long số tiền 624.666.000 đồng; Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND Thành phố V và buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long số tiền 209.370.000 đồng; Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất; Buộc UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND Thành phố V không đồng ý với tất cả các yêu cầu khởi kiện của ông C. UBND Thành phố V và Chủ tịch UBND Thành phố V ban hành các quyết định trên là đúng trình tự thủ tục theo quy định pháp luật. Thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long của ông C bị thu hồi đã được xem xét bồi thường giá đất đúng theo quy định, trường hợp ông C không thuộc bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại nên UBND Thành phố V không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện ông C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long bảo lưu ý kiến các văn bản đã gửi cho Tòa án không có ý kiến khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng: Tất cả đều được thực hiện đúng, đầy đủ và đảm bảo theo quy định của pháp luật.

- Về việc áp dụng pháp luật để giải quyết vụ án:

Căn cứ khoản 2, 3, 4 Điều 3; khoản 1 Điều 30; khoản 3, 4 Điều 32; điểm c khoản 2 Điều 193, khoản 1 Điều 348 Luật tố tụng hành chính; điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ các Điều 62, 66, 67, 69, 76, 77 Luật Đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP; Nghị định 01/2017/NĐ-CP;

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về yêu cầu:

- Hủy Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1), tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Hủy Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V “về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 1)”.

- Buộc UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16 theo quyết định thu hồi số 4184.

- Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với diện tích bị thu hồi 1.487,3m² thuộc thửa số 16.

- Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với diện tích 1.487m², loại đất cây lâu năm thuộc thửa 16 với tổng số tiền 624.666.000 đồng.

- Hủy Quyết định 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 do UBND Thành phố V ban hành về thu hồi thửa đất để thực hiện dự án.

- Buộc UBND Thành phố V ban hành quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa 16 bị thu hồi theo Quyết định 328 diện tích bị thu hồi 498,5m² với số tiền 209.370.000 đồng.

- Hủy Quyết định 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất.

- Buộc UBND Thành phố V thực hiện hành vi hành chính là ban hành quyết định bồi thường và bồi thường tài sản trên đất đối với phần cát xây dựng, khối lượng hơn 200m³ nằm trên phần đất 1.487,3m² thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 10 tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

2. Ông C có quyền khởi kiện vụ án dân sự đối với Chủ đầu tư Ban Q1 xây dựng các công trình giao thông về tranh chấp bồi thường phần cát vàng xây dựng trên phần đất bị thu hồi khi có yêu cầu.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm: Miễn toàn bộ án phí cho ông Phạm Văn C do là người cao tuổi.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông C phải nộp 530.000 đồng chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người bị kiện UBND tỉnh V có người đại diện hợp pháp: Ông Lữ Quang N – Chức vụ: Chủ tịch UBND tỉnh V; Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của UBND tỉnh V: Ông Nguyễn Văn T – Chức vụ: Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh V (Nay là Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh V); UBND Thành phố V, Người đại diện theo pháp luật: Ông Đặng Văn L – Chức vụ: Chủ tịch UBND thành phố V có người đại diện theo pháp luật ông Đặng Văn L; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Đặng Minh Q – Chức vụ: Phó Chủ tịch UBND Thành phố V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ nhất nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 157 Luật tố tụng hành chính Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[2] Về đối tượng khởi kiện:

Xét các Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V ban hành về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V giai đoạn 1, tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND Thành phố V ban hành về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ

tịch UBND Thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất là các quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai. Căn cứ Điều 22 Luật Đất đai năm 2013 thì các quyết định trên ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông Phạm Văn C nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính theo khoản 2 Điều 3; Điều 115 Luật tổ tụng hành chính.

Đối với Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V ban hành “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1), tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long”, đính kèm Bảng tổng hợp giá trị bồi thường về đất ghi nhận nội dung tại STT 11, diện tích 319,4 m², VT1 (tiếp giáp mặt đường), đất loại trồng cây lâu năm (CLN) của ông Phạm Văn C thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10 được bồi thường với giá là 3.710.100 đồng/m², tổng giá trị bồi thường về đất là 5.518.031.730 đồng là phần ảnh hưởng trực tiếp đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện ông C nên Toà án chỉ xem xét phần Quyết định số 4168 có ảnh hưởng đối với ông C.

Ngoài ra, ông C yêu cầu UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long diện tích 1.487,3m², loại đất cây lâu năm (CLN), thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đối với công trình Bến xe V (giai đoạn 1) bằng số tiền là 624.666.000 đồng và phần diện tích đất 498,5m² thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 10 đối với Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V bằng số tiền là 209.370.000 đồng; Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với phần cát xây dựng, khối lượng hơn 200m³ nằm trên phần đất 1.487,3m², thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là hành vi hành chính thuộc đối tượng khởi kiện theo quy định tại khoản 3, 4 Điều 3 và khoản 1 Điều 115 của Luật tổ tụng hành chính.

[3] Về thời hiệu khởi kiện:

Ngày 27/9/2024 ông C nộp đơn khởi kiện Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi

thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1); Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V; Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 của UBND Thành phố V; buộc UBND Thành phố V thực hiện ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V và buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với phần cát xây dựng, khối lượng hơn 200m³ nằm trên phần đất 1.487,3m², thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10 đến ngày 31/10/2024 Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý vụ án.

Ngày 13/3/2025, ông C khởi kiện bổ sung Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất. Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật tổ tụng hành chính thì việc khởi kiện của ông C là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định pháp luật.

[4] Về thẩm quyền giải quyết: Các Quyết định hành chính số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023, Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023, Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 thuộc thẩm quyền ban hành của UBND Thành phố V; Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch UBND Thành phố V; buộc UBND Thành phố V thực hiện hành vi hành chính theo quy định. Các quyết định hành chính, hành vi hành chính bị khởi kiện của UBND cấp huyện, Chủ tịch UBND cấp huyện trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật tổ tụng hành chính thì Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền loại việc, thẩm quyền theo cấp xét xử và thẩm quyền lãnh thổ.

Xét ông C khởi kiện yêu cầu hành vi hành chính buộc UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long. Căn cứ khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì UBND tỉnh V không phải là cơ quan hành chính nhà nước được giao nhiệm vụ thực hiện việc xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại. Do đó, căn cứ khoản 4 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính, yêu cầu trên của ông C Tòa án không xem xét.

[5] Thẩm quyền ban hành quyết định:

Điểm a Khoản 2 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013 quy định UBND Thành phố V là cơ quan có thẩm quyền thu hồi đất đối với cá nhân, theo đó UBND Thành phố V thu hồi đất đối với ông Phạm Văn C theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 để thực hiện công trình Bến xe V giai đoạn 1 và Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là đúng thẩm quyền.

Đồng thời, điểm a Khoản 3 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 thì UBND Thành phố V là cơ quan có thẩm quyền ban hành Quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với phần đất bị thu hồi theo thẩm quyền tương ứng.

[6] Về nội dung:

[6.1] Xét yêu cầu khởi kiện của ông C đối với Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 do UBND Thành phố V ban hành “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Công trình Bến xe V (giai đoạn 1), tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long”; Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 do UBND Thành phố V ban hành “về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 1)”;

Ngày 29/10/2021, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2918/QĐ-UBND, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình Bến xe V (giai đoạn 1), địa điểm tại Phường H, thành phố V.

Ngày 07/3/2023, UBND Thành phố V ban hành Thông báo số 119/TB-UBND, thông báo cho ông Phạm Văn C thường trú số 104, đường N, Phường B, thành phố V, UBND thành phố V dự kiến thu hồi 1.487,3m² đất trồng cây lâu năm tại thửa số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc Phường 8, thành phố V của ông Phạm Văn C để xây dựng công trình Bến xe V (giai đoạn 1).

Ngày 15/4/2023, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V kết hợp với các ngành tiến hành kiểm đếm tài sản của ông Phạm Văn C, kết quả kiểm đếm phần đất thửa số 16 của ông Phạm Văn C bị thu hồi 1.487,3m² đất trồng cây lâu năm.

Ngày 06/7/2023, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 1581/QĐ-UBND, phê duyệt hệ số điều chỉnh giá đất và giá đất cụ thể áp dụng bồi thường công trình: Bến xe V (giai đoạn 1) tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, trong

đó có đất trồng cây lâu năm (không tiếp giáp mặt đường) có giá là 3.710.100 đồng/m².

Ngày 29/09/2023, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 4168/QĐ-UBND về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1) trong đó có ông Phạm Văn C được bồi thường đất với số tiền là 5.518.031.730 đồng.

Cùng ngày 29/9/2023, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 4184/QĐ-UBND, thu hồi 1.487,3m² đất, loại đất trồng cây lâu năm (CLN) của ông Phạm Văn C thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10 tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 1).

Dự án công trình Bến xe V (giai đoạn 1) và Dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long là dự án Nhà nước thu hồi đất để phát triển kinh tế xã hội vì lợi ích quốc gia, công cộng theo điểm c, đ khoản 3 Điều 62 Luật Đất đai 2013. Khi thu hồi đất UBND thành phố V đã thực hiện đúng công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây dựng công trình, cụ thể: Bến xe V (giai đoạn 1). Địa điểm: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 1063/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 phê duyệt Kế hoạch thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án xây dựng công trình: Bến xe V (giai đoạn 1); Địa điểm: Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, cụ thể Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V kết hợp với U thực hiện quy định tại điểm a Khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013; Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V thực hiện thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước khi trình UBND Thành phố V quyết định thu hồi đất tại điểm b Khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013. Quá trình lập phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Bến xe V (giai đoạn 1), Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V và U đã thực hiện Thông báo số 437/TB-TTPTQĐ ngày 12/7/2023 về việc niêm yết dự thảo phương án chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Bến xe V (giai đoạn 1); lập Biên bản niêm yết công khai phương án chi tiết từ ngày về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Bến xe V (giai đoạn 1) từ ngày 14/7/2023 đến hết ngày 03/8/2023 và ghi nhận ý kiến cụ thể của các hộ dân bị ảnh hưởng bởi công trình Bến xe V (giai đoạn 1); lập Biên bản họp đối thoại, giải thích về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình: Bến xe V (giai đoạn 1) tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

ngày 16/8/2023; lập Báo cáo tổng hợp ý kiến đối với dự thảo phương án chi tiết từ ngày về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư dự án Bến xe V (giai đoạn 1). Nhận thấy, trong quá trình tổ chức lấy ý kiến về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì người khởi kiện ông Phạm Văn C có tham gia, cung cấp ý kiến và ký xác nhận trên danh sách các hộ dân được lấy ý kiến trực tiếp và nhận được thông tin niêm yết về việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1). Đồng thời, việc lấy ý kiến đảm bảo quy định về sự tham gia của đại diện Ủy ban M. Đối chiếu khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định về lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì UBND Thành phố V đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định nên lời trình bày của người khởi kiện là không có căn cứ. Do đó, ông Phạm Văn C khởi kiện cho rằng quy trình ban hành Quyết định bồi thường và thu hồi đất có nhiều sai phạm, quy trình thực hiện lập, thẩm định phương án bồi thường là không có căn cứ.

[6.2] Xét yêu cầu khởi kiện ông C: Huỷ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 do UBND Thành phố V ban hành “về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long”.

Ngày 09/11/2022, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2304/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 11/9/2023, UBND tỉnh V ban hành Quyết định số 2070/QĐ-UBND, về việc phê duyệt điều chỉnh Dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 09/10/2023, UBND Thành phố V ban hành Thông báo số 1561/TB-UBND, thu hồi đất để thực hiện công trình xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư thuộc Phường H, thành phố V – giai đoạn 1, dự án Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H thành phố V, diện tích dự kiến thu hồi 498,5m², loại đất đang sử dụng trồng cây lâu năm của ông Phạm Văn C.

Ngày 24/10/2023, Trung tâm Phát triển Quỹ đất thành phố V phối hợp với UBND Phường 8 thành phố V và ông Phạm Văn C có biên bản kiểm kê, kiểm

đếm tài sản, trong đó có thửa đất số 16 tờ bản đồ số 10 diện ảnh hưởng thu hồi 498,5m². Qua kết quả đối chiếu bảng tự khai và kết quả kiểm đếm, ông Phạm Văn C đồng ý và ký tên biên bản.

Ngày 24/01/2024, UBND Thành phố V ban hành các quyết định thu hồi đất, trong đó có Quyết định số 328/QĐ-UBND thu hồi 498,5m² đất, loại đất trồng cây lâu năm của ông Phạm Văn C, thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H thành phố V để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Cùng ngày 24/01/2024, UBND Thành phố V ban hành Quyết định số 322/QĐ-UBND, về việc phê duyệt Phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư Dự án: Phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, trong đó có phần diện tích 498,5m² thuộc thửa đất số 16 tờ bản đồ số 10 của ông Phạm Văn C được bồi thường giá trị 1.858.756.950 đồng.

Ngày 02/02/2024, U thành phố V có biên bản công bố và trao quyết định thu hồi đất cho ông Phạm Văn C, trong đó có Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024.

Đối chiếu khoản 2 Điều 69 Luật Đất đai năm 2013 quy định về lập, thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thì UBND Thành phố V đã thực hiện đúng trình tự thủ tục theo quy định khi ban hành quyết định nên ông C khởi kiện yêu cầu hủy quyết định là không có căn cứ để chấp nhận.

[6.3] Ông C căn cứ khoản 1 Điều 76 và khoản 1 Điều 77 Luật đất đai năm 2013 quy định về bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân nên ông C yêu cầu UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long, diện tích 1.487,3m², loại đất cây lâu năm (CLN), thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với số tiền là 624.666.000 đồng thuộc Dự án Công trình Bến xe V giai đoạn 1, tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long và phần diện tích đất 498,5m² thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, số tiền là 209.370.000 đồng thuộc Dự án

phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

Căn cứ khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 quy định về các trường hợp không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại:

“a) Đất được Nhà nước giao không thu tiền sử dụng đất, trừ trường hợp đất nông nghiệp được Nhà nước giao cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại khoản 1 Điều 54 của Luật này;

b) Đất được Nhà nước giao cho tổ chức thuộc trường hợp có thu tiền sử dụng đất nhưng được miễn tiền sử dụng đất;

c) Đất được Nhà nước cho thuê trả tiền thuê đất hàng năm; đất thuê trả tiền thuê đất một lần cho cả thời gian thuê nhưng được miễn tiền thuê đất, trừ trường hợp hộ gia đình, cá nhân sử dụng đất thuê do thực hiện chính sách đối với người có công với cách mạng;

d) Đất nông nghiệp thuộc quỹ đất công ích của xã, phường, thị trấn;

đ) Đất nhận khoán để sản xuất nông lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối.”

Tại Khoản 1 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013 quy định về bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại khi Nhà nước thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân như sau:

“1. Hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp khi Nhà nước thu hồi đất thì được bồi thường về đất, chi phí đầu tư vào đất còn lại theo quy định sau đây:

a) Diện tích đất nông nghiệp được bồi thường bao gồm diện tích trong hạn mức theo quy định tại Điều 129, Điều 130 của Luật này và diện tích đất do được nhận thừa kế:

b) Đối với diện tích đất nông nghiệp vượt hạn mức quy định tại Điều 129 của Luật này thì không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại;...”

Đối chiếu quy định trên thì người có đất bị thu hồi khi đã được bồi thường về đất thì không được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại, trường hợp cá nhân đang sử dụng đất nông nghiệp vượt hạn mức thì không được bồi thường

về đất sẽ được bồi thường về chi phí đầu tư vào đất còn lại. Trường hợp ông C theo Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 thu hồi diện tích đất 1.478,3m², loại đất trồng cây lâu năm đã được xét bồi thường về đất với số tiền 5.518.031.730 đồng và Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 thu hồi diện tích đất 498,5m², loại đất trồng cây lâu năm của UBND Thành phố V đã được xét bồi thường về đất với số tiền 1.858.756.950 đồng là còn trong hạn mức của cá nhân sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi đất theo Điều 129 Luật Đất đai năm 2013. Vì vậy, ông C không thuộc trường hợp được bồi thường chi phí đầu tư đất còn lại theo điểm b khoản 1 Điều 77 của Luật Đất đai năm 2013.[6.4] Xét yêu cầu khởi kiện ông C: Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với phần cát xây dựng, khối lượng hơn 200m³ nằm trên phần đất 1.487,3m², thuộc thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long:

Theo ông C trình bày tại thời điểm UBND Thành phố ban hành Quyết định thu hồi đất thì trên phần đất thu hồi thửa 16, diện tích 1.487,3m² theo Quyết định 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V thì ông C có chứa hơn 200m³ cát xây dựng (cát vàng xây, tô) với đơn giá 300.000 đồng/m³. Thành tiền: 60.000.000 đồng. Tại Công văn số 264/BQLDAGT ngày 01/8/2024 của Ban Q1 xây dựng các công trình giao thông (nay thuộc Ban Quản lý các Dự án tỉnh Vĩnh Long) về việc trả lời đơn khiếu nại (lần 2) của ông Phạm Văn C về việc đào thu hồi phần cát đã san lấp thuộc mặt bằng thi công công trình Bến xe V (giai đoạn 1) có ghi nhận: “...Về cao độ hiện trạng của phần diện tích đất của ông Phạm Văn C cơ bản phù hợp với độ cao tự nhiên của hồ sơ thiết kế. Chỉ có một vài chỗ do ông C đổ cát vàng (xây, tô) thì cao hơn cao độ thiết kế, nhưng khối lượng không lớn khoảng 100m³ ... Vì hồ sơ thiết kế đã tính khối lượng san lấp mặt bằng từ cao độ sau khi ông C đã san lấp. Do đó, nếu ông C đào thu hồi phần cát này sẽ ảnh hưởng đến khối lượng san lấp mặt bằng của công trình Bến xe V (thiếu khối lượng cát san lấp)” và ghi nhận “... Riêng đối với các vị trí cát vàng (xây, tô) còn lại nếu kiểm tra xác nhận cao hơn cao độ tự nhiên thiết kế, thống nhất cho ông C thu hồi. Về chiều sâu đào thu hồi Chủ đầu tư sẽ phối hợp với ông C xác định ngoài thực tế và thống nhất trước khi thu hồi” (BL 06). Tại phiên tòa, ông K người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long và ông C đều thừa nhận ngày 13/7/2024 ông C có cho hai xe tải vào đào phần đất san lấp trên diện

tích đất 1.487,3m² nhưng do Chiều đào thu hồi phần cát này sâu hơn cao độ hiện trạng làm ảnh hưởng cao độ tự nhiên so thiết kế nên Chủ đầu tư không thống nhất cho ông C tiếp tục đào thu hồi cát. Sau thời điểm ngày 01/8/2024 thì giữa Chủ đầu tư và ông C không có kiểm tra xác nhận cao độ tự nhiên thiết kế công trình ngoài thực tế và ông C chưa thu hồi lại phần cát vàng (xây, tô) trên diện tích đất 1.487,3m². Ban Quản lý các dự án tỉnh Vĩnh Long cho rằng căn cứ biên bản hiện trường về việc xác định cao độ và mặt bằng hiện trạng thửa đất hộ ông Phạm Văn C ghi nhận khối lượng cát vàng (xây, tô) sau khi ông C đào thu hồi ngày 13/7/2024 thì phần cát vàng đào thu hồi chưa hết, qua tính toán thì phần cát vàng còn lại cơ bản đủ để bù lại diện tích phần đào sâu hơn. Tuy nhiên, biên bản hiện trường chỉ có đại diện Chủ đầu tư, đại diện tư vấn giám sát và đại diện nhà thầu thi công ký xác nhận, ông C không có mặt và ký vào biên bản. Ông C cho rằng ngày 13/7/2024 ông cho hai xe vào để lấy đất san lấp tại thửa 16, diện tích 1.487,3m² và chỉ đào được hai xe khối lượng 10m³ đất thì Chủ đầu tư yêu cầu ông ngưng và không có lập biên bản. Do đó, đối chiếu Công văn số 264/BQLDAGT ngày 01/8/2024 của Ban Quản lý Dự án Đầu tư xây dựng các Công trình giao thông thì đến thời điểm ngày 01/8/2024 trên phần đất bị thu hồi thuộc thửa 16, diện tích 1.487,3m² vẫn còn phần cát vàng (xây, tô) là tài sản của ông C, phần tài sản này không gắn liền với phần đất bị thu hồi và chưa được xem xét bồi thường theo quy định pháp luật. Căn cứ Điều 88 Luật Đất đai năm 2013 thì phần cát vàng (xây, tô) là tài sản của ông C để trên phần đất bị thu hồi chưa được xem xét bồi thường khi bị thu hồi đất. Trong trường hợp phần cát vàng (xây, tô) không thuộc trường hợp bồi thường theo quy định pháp luật thì UBND phải ra Quyết định buộc ông C di dời ra khỏi phần đất bị thu hồi theo quy định của pháp luật. Vì vậy, căn cứ khoản 3, 4 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32; điểm c khoản 2 Điều 193 của Luật tổ tụng hành chính chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông C buộc UBND Thành phố V phải thực hiện hành vi hành chính xem xét bồi thường cát vàng (xây, tô) của ông C để trên phần đất thu hồi diện tích 1.487,3m² thuộc thửa 16 theo đúng quy định của pháp luật. [6.5] Xét yêu cầu khởi kiện: Huỷ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất:

Như nhận định tại đoạn [6.1] và [6.2] của bản án này việc thu hồi đất của UBND Thành phố V là đúng theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục ban hành theo quy định tại điểm a Khoản 3 Điều 69 và điểm b Khoản 2 Điều

66 Luật Đất đai năm 2013. Việc thu hồi đất ông C biết và có tham gia, cung cấp ý kiến và ký xác nhận trên danh sách các hộ dân được lấy ý kiến trực tiếp và nhận được thông tin niêm yết về việc lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1) và công trình đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật Khu tái định cư P, thành phố V thuộc Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu, một số người dân chấp hành tốt chủ trương chính sách bồi thường, hỗ trợ và bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công thực hiện công trình. Còn một số hộ chưa chấp hành, trong đó có hộ ông Phạm Văn C không đồng ý bàn giao mặt bằng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng tiến độ toàn dự án.

Ngày 10/02/2025, Chủ tịch UBND Thành phố V ban hành Quyết định cưỡng chế thu hồi đất, có lập phương án cưỡng chế và ngày 05/3/2025 tại U, Ban cưỡng chế thu hồi đất có thông báo và vận động ông C tự nguyện bàn giao đất để thực hiện Dự án Phát triển đô thị và tăng cường thích ứng với biến đổi khí hậu thành phố V Hợp phần 3, nhưng ông C không thống nhất bàn giao mặt bằng nên ngày 11/3/2025 B thực hiện cưỡng chế đã thực hiện Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất. Do đó, có cơ sở xác định Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố V đã ban hành đúng trình tự thủ tục, đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 71 Luật Đất đai năm 2013. Do đó, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông C.

[7] Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đã chi 530.000 đồng, số tiền trên ông C đã nộp tạm ứng xong nên được khấu trừ.

[8] Về án phí sơ thẩm: Ông Phạm Văn C, sinh năm 1950 là người cao tuổi theo Điều 2 Luật Người cao tuổi năm 2009 và có đơn xin miễn án phí. Theo điểm đ Điều 12, Điều 32 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, miễn toàn bộ án phí hành chính sơ thẩm cho ông Phạm Văn C.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 1, 2, 3, 4, 9 Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 3 Điều 32, Điều 115, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193 Luật tổ tụng hành chính; Điều

12, Điều 30, Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH1430 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 22, điểm c, đ khoản 3 Điều 62, Điều 66, Điều 69, khoản 1 Điều 76, điểm b khoản 1 Điều 77, Điều 88, Điều 129 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 3 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C về việc:

- Huỷ Quyết định số 4168/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 do UBND Thành phố V ban hành “về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư công trình Bến xe V (giai đoạn 1), tại địa điểm Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long”.

- Huỷ Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 do UBND Thành phố V ban hành “về việc thu hồi đất để thực hiện công trình Bến xe V (giai đoạn 1)”.

- Buộc UBND tỉnh V ban hành văn bản xác định chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại Phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với 1.487,3m², đất loại cây công nghiệp lâu năm (CLN), thuộc một phần thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long với tổng số tiền là 624.666.000 đồng (Sáu trăm hai mươi bốn triệu sáu trăm sáu mươi sáu ngàn đồng).

- Huỷ Quyết định số 328/QĐ-UBND ngày 24/01/2024 do UBND Thành phố V ban hành “về việc thu hồi đất để thực hiện Dự án phát triển đô thị và tăng cường khả năng thích ứng biến đổi khí hậu thành phố V, tỉnh Vĩnh Long; Hợp phần 3: Đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật khu tái định cư P, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long (Theo Điều 62 Luật Đất đai năm 2013)”.

- Buộc UBND Thành phố V ban hành Quyết định bồi thường đối với chi phí đầu tư vào đất còn lại đối với thửa đất số 16, tờ bản đồ số 10, tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long.

- Huỷ Quyết định số 406/QĐ-UBND ngày 10/02/2025 của Chủ tịch UBND Thành phố V về việc cưỡng chế thu hồi đất.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn C: buộc UBND Thành phố V thực hiện hành vi hành chính xem xét bồi thường cát vàng (xây, tô) của ông C để trên phần đất thu hồi diện tích 1.487,3m² thuộc thửa 16, tờ bản đồ số 10, toạ lạc tại phường H, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long theo Quyết định số 4184/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của UBND Thành phố V theo quy định của pháp luật.

3. Án phí hành chính sơ thẩm: Ông Phạm Văn C được miễn án phí hành chính sơ thẩm.

4. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Đã chi 530.000 đồng, số tiền trên ông Phạm Văn C đã nộp tạm ứng xong nên được khấu trừ.

5. Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự được quyền kháng cáo. Đối với các đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho các đương sự.

Nơi nhận:

- TANDCC: 01;
- CA: 01;
- VKSND TVL: 02;
- THADS TVL: 02;
- DS: 05;
- Phòng HCTP: 01;
- Phòng KTNV&THA 01;
- Lưu: 04.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Nữ Phà Ca

CÁC HỘI THẨM

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Thanh Nguyễn Thị Lành

Sơn Nữ Phà Ca